

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CẢNG ĐÌNH VŨ
DINH VU PORT INVESTMENT &
DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Số: 77/CBTT-DVP

No.: 77/CBTT-DVP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Hai Phong, March 20th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
DISCLOSURE OF PERIODIC INFORMATION

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

To: The State Securities Commission;

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

1. Dinhvu Port Investment & Development Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: DVP

- *Stock symbol: DVP*

- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

- *Address: Dinh Vu Port, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City*

- Điện thoại liên hệ: 0225.3769.992 Fax: 0225.3769.992

- *Tel: 0225.3769.992 Fax: 0225.3769.992*

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.

2. Information disclosure content: Annual Report 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/3/2025 tại đường dẫn:

<https://dinhvuport.com.vn/vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/2025>

3. *This information was published on the Company's website on March 20th, 2025 at the link:*

<https://dinhvuport.com.vn/vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien/2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information./

Tài liệu kèm theo:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

- *Annual Report 2024.*

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

General Director



Cao Văn Tĩnh

Cao Van Tinh

Số: 06 /BCTN-DVP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2024**

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
: Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200511481;
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng);
- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

- Số điện thoại: 0225.3.769.992;
- Số fax : 0225.3.769.992;
- Website: dinhvuport.com.vn;
- Mã cổ phiếu: DVP;
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;

+ Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động;

+ Ngày niêm yết: Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:

- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- + Mã chứng khoán: DVP;
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng).
- Các sự kiện khác:




1

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình Vũ chính thức được đưa vào khai thác;

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt Nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Tổng số chiều dài Cảng hiện nay là 425m;

- Các thành tích đạt được trong năm 2024:

Stt	Danh hiệu	Tổ chức trao/ bình chọn	Số QĐ
1	Giấy khen đã có thành tích tuân thủ chính sách, pháp luật thuế năm 2023	Cục Thuế TP Hải Phòng	QĐ số 3460/QĐ-CTHPH ngày 02/10/2024
2	Top 500 doanh nghiệp Lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2024 (PROFIT500)	Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport)	Chứng nhận số 261/PROFIT-2024 ngày 24/10/2024
3	Top 50 doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2024	Công ty CP Báo cáo đánh giá VN (VietnamReport)	Chứng nhận số 26124/PROFIT-2024 ngày 24/10/2024
4	Bằng khen thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố HP năm 2024	Chủ tịch UBND thành phố HP	QĐ số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2025

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
3	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5	Cung ứng lao động tạm thời	7820
6	Bốc xếp hàng hóa	5224
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê kho, bãi, cho thuê văn phòng)	6810
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan - Dịch vụ nâng cầu hàng hoá - Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa - Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải - Dịch vụ môi giới thuê tàu biển - Dịch vụ logistics	5229

	- Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển) - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung)	
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá	8299
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker) - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu	4663
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Chuẩn bị mặt bằng: - San lấp mặt bằng	4312
13	Phá dỡ	4311
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
17	Đại lý du lịch	7911
18	Điều hành tua du lịch	7912
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV	4221
22	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
23	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
26	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
27	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4211
28	Xây dựng công trình đường bộ	4212

01
 F
 17
 RI
 4
 F

	Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	
29	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển	7730
30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
32	Cho thuê xe có động cơ	7710
33	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Vận tải hành khách bằng taxi	4931
34	Vận tải hành khách đường bộ khác: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
36	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn đồng, chì, nhôm, inox	4662
41	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
42	Tái chế phế liệu: - Phá hủy tàu	3830

1146
3 TY
I AN
/ VA
N CANH
VU
TAT PH

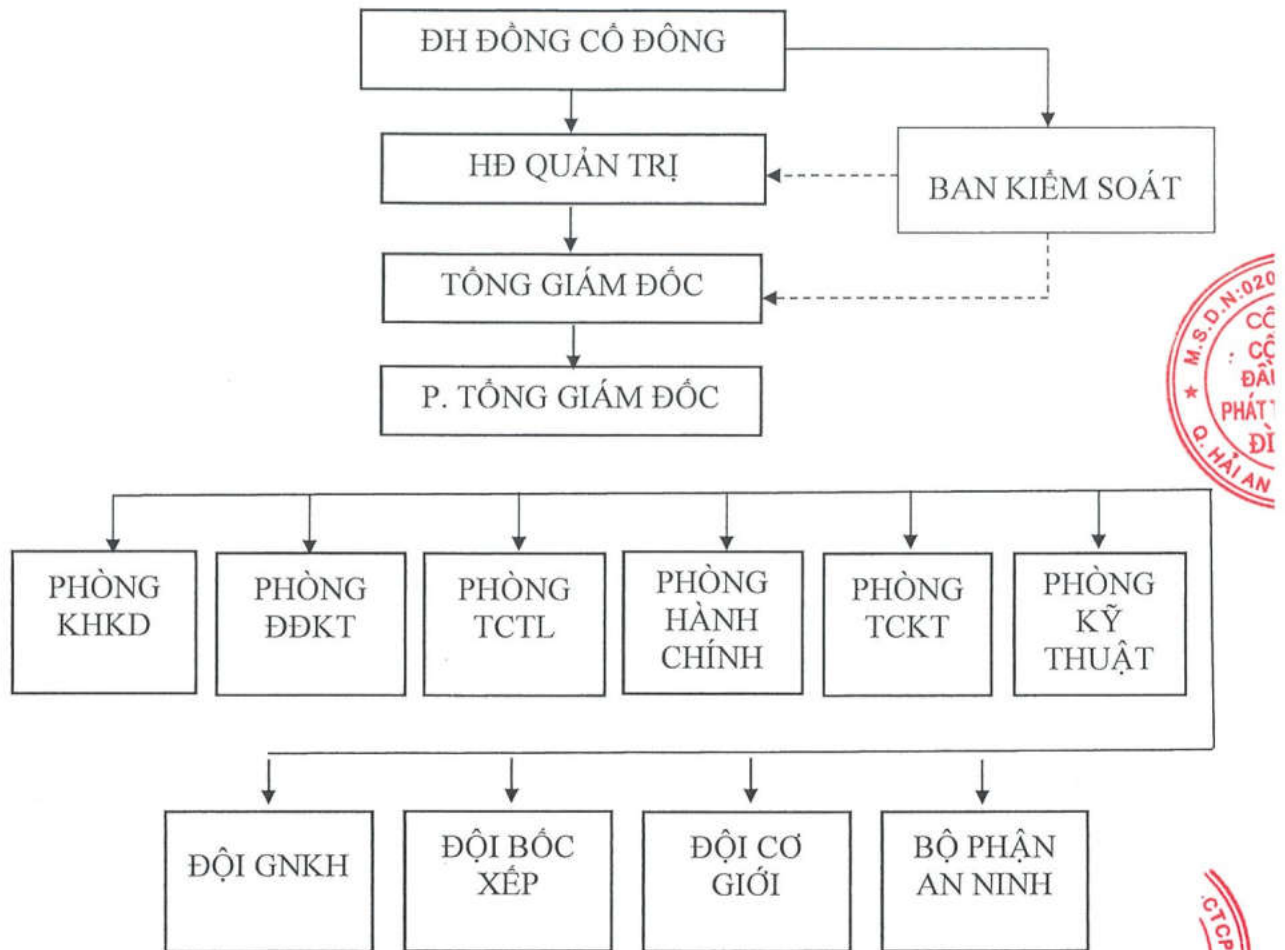
- Địa bàn kinh doanh: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc Công ty.

3.3 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.4 Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.

Phòng.

- Lĩnh vực kinh doanh chính:
 - + Dịch vụ giao nhận;
 - + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức;
 - + Vận tải đường bộ;
 - + Bãi container và kho;
 - + Container hàng hóa đóng gói, khai thác kho CFS;
 - + Khai thác kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
 - + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không;
 - + Dịch vụ sửa chữa container;
 - + Dịch vụ Hải quan;
- Vốn điều lệ thực góp: 103.027.411.229 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ: 49%.

4. Định hướng phát triển

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần của Công ty.

- Phối hợp với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.

- Tập trung tìm kiếm các cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi và depot ở khu vực ngoài cảng.

- Về nhân lực, tập trung tuyển nhân sự trẻ, chất lượng cao để tối đa hóa khả năng tìm người phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất cho Công ty.

5. Các nhân tố rủi ro

5.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ kho bãi, logistics.

a) Kết thúc năm 2024, tăng trưởng kinh tế đạt 7,09% trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%; công nghiệp, xây dựng tăng 8,24% và dịch vụ tăng cao nhất với 7,38%, như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 vượt mục tiêu Quốc hội đề ra từ đầu năm (tăng trưởng GDP năm 2024 khoảng 6 - 6,5%)

Là Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, kho bãi và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu CPI 2024 (Chỉ số giá tiêu dùng - Consumer Price Index) do Quốc hội đề ra.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu, điện và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

5.2 Rủi ro về Pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có

những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định Pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành

Năm 2024, kinh tế Thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lạm phát mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt; thương mại và đầu tư toàn cầu tiếp tục thu hẹp; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng đã khiến nhiều quốc gia tăng trưởng chậm lại. Theo IMF, tăng trưởng thương mại thế giới năm 2024 đạt 3,2%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019.

Tuy nhiên hai thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam 2024 vẫn có sự tăng trưởng cụ thể: Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD tăng 23,5% so với năm 2023 (96,8 tỷ). Trung Quốc là thị trường nhập khẩu với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD tăng 29,3% so với năm 2023 (111,6 tỷ). (nguồn: Tổng Cục Thống kê).

Do đó năm 2024 sản lượng hàng hóa từ Trung Quốc về thông qua khu vực Hải Phòng và Cảng Đình Vũ có sự tăng trưởng so với năm 2023. Trong thời gian vừa qua, hoạt động SXKD của Công ty chịu sự ảnh hưởng lớn của thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu từ Trung Quốc. Công ty luôn theo sát và cập nhật tình hình từ thị trường chính này để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

- Do hoạt động trong ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình cung cầu trên Thế giới và sự điều hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Tình trạng cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng, các doanh nghiệp cùng ngành: Quý I/2025 bến 5,6 của cảng Hateco, bến 3,4 của cảng Hải Phòng tại khu vực Lạch Huyện - Cát Hải đi vào khai thác và một số cảng trong khu vực có lợi thế về độ sâu luồng -8,5m, độ sâu trước bến -9,5m với thiết bị đầu tư đồng bộ để khai thác hàng container... sẽ thu hút các tuyến dịch vụ của các Hãng tàu đang sử dụng dịch vụ tại khu vực phía trong như Cảng Tân Vũ, Cảng Đình Vũ. Thị trường khu vực Hải Phòng sẽ định hình và phân chia lại thị phần về khai thác hàng container. Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Đình Vũ trong giai đoạn hiện nay. Ban Điều hành Công ty đã thấy rõ các

thách thức này và đã chủ động tăng cường hợp tác chặt chẽ với các hãng tàu/ khách hàng, có những chính sách linh hoạt, phù hợp, kết hợp với đầu tư chiều sâu như nâng cấp cải tạo cầu tàu, đầu tư thiết bị cần trục giàn, kết hợp nạo vét luồng hành hải vào cảng.. nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ, duy trì các tuyến dịch vụ nhằm đảm bảo nguồn hàng, ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

Hoạt động kinh doanh khai thác Depot của Công ty tại khu công nghiệp Minh Phương cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu hàng hóa, bảo dưỡng sửa chữa container... khép kín quy trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh nhằm tăng tính gắn kết với khách hàng, hãng tàu có sử dụng dịch vụ xếp dỡ tại Cảng.

d) Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh để lập phương án ứng phó kịp thời.

Thành lập các ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, An ninh cảng biển; Đội Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Hội đồng BHLĐ; Đoàn kiểm tra công tác ATVSLĐ...

Xây dựng các phương án Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... tổ chức diễn tập định kỳ theo quy định của Pháp luật.

Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, .. việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn vệ sinh lao động.

Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

Đầu tư thiết bị sử dụng công nghệ tái tạo năng lượng, hướng đến sử dụng năng lượng sạch.

Thực hiện ký hợp đồng bảo hiểm cho các phương tiện, thiết bị xếp dỡ chính của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Các chỉ tiêu	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% so KH năm 2024	% so thực hiện 2023
Sản lượng container (teu)	599.900	573.124	95,54	116,5
<i>Tương đương (tấn)</i>	8.998.500	8.596.860	95,54	116,5
- Doanh thu (tỷ đồng)	700	848,45	121,21	101,04
-LN trước thuế (tỷ đồng)	345	403,03	116,82	101,15

1.2 Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, thị trường

Tình hình kinh tế chính trị Thế giới, khu vực Châu Á gặp nhiều biến động; chiến tranh giữa Nga và Ucraina vẫn tiếp diễn; xung đột Israel và Hamas trên dải Gaza làm ảnh hưởng đến sản xuất lưu thông hàng hóa trên toàn cầu.

Tuyến luồng Bạch Đằng vào Cảng (-7m) hạn chế về độ sâu đã gây khó khăn cho Công ty trong việc tiếp nhận, khai thác tàu có trọng tải lớn.

Cơn Bão số 3 - Yagi đổ bộ vào Hải Phòng ngày 07/9/2024 đã gây thiệt hại về phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp cảng biển tại khu vực Đình Vũ. Trong đó Công ty cũng chịu thiệt hại đối với 02 cần trục giàn STS phải dừng khai thác gây khó khăn cho công tác bố trí cầu bến, tiếp nhận và khai thác tàu trong thời gian sau bão (cuối năm 2024).

1.3 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Sản lượng: Kế hoạch 599.900 teu - Thực hiện 573.124 teu.
- Doanh thu: Kế hoạch 700 tỷ đồng - Thực hiện 848,45 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch 345 tỷ đồng - Thực hiện 403,03 tỷ đồng.

1.4 Đánh giá chỉ tiêu sản lượng:

Chỉ tiêu sản lượng năm 2024 thực hiện đạt 95,54% kế hoạch, bằng 116,5% so thực hiện 2023.

Do hạn chế về độ sâu luồng hàng hải vào đến Cảng nên tháng 8/2024 Hãng tàu SITC đã chuyển 01 tuyến dịch vụ ra khai thác tại Cảng Nam Đình Vũ.

1.5 Đánh giá chỉ tiêu doanh thu:

Chỉ tiêu doanh thu năm 2024 thực hiện đạt 121,21% kế hoạch, bằng 101,04% so thực hiện 2023.

1.6 Đánh giá chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 thực hiện đạt 116,82% kế hoạch, bằng 101,15% so thực hiện 2023.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Cao Văn Tĩnh

- Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;
- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ, Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN;

- Quá trình công tác:

+ Từ 09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn;
+ Từ 01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2- Cục vũ khí;
+ Từ 08/1992- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải;
+ Từ 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng;



Tổng số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 0,01% vốn điều lệ.

2.1.3 Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Trung

- Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt Nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán tài chính - cử nhân kế toán tài chính thương mại;

- Quá trình công tác:

+ Từ 10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải Phòng;

+ Từ 04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải Phòng;

+ Từ 01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải Phòng;

+ Từ 10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải Phòng;

+ Từ 02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Số cổ phần sở hữu: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2024: 414 người.

2.4 Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

a) Mục tiêu:

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty

b) Hành động:

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động

Đảm bảo chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện tốt chế độ ốm đau, thai sản đối với người lao động.

Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc. Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm.

Chú trọng công tác an toàn – vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh.

Tuân thủ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động. Trong điều kiện cho phép Công ty áp dụng chế độ chính sách có lợi cho người lao động được pháp luật khuyến khích. Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHTN của nước CHXHCN Việt Nam.

c) Thay đổi trong năm 2024:

Năm 2024 tình hình kinh tế, chính trị diễn biến phức tạp do chiến sự Nga - Ukraina tiếp diễn, xung đột Israel và Hamas trên dải Gaza... làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế chính trị toàn cầu nói chung và ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các

doanh nghiệp và cảng Đình Vũ nói riêng, Ban lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu giữ vững việc làm và thu nhập người lao động là nhiệm vụ hàng đầu. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thu nhập của người lao động giữ được ổn định và cao hơn với năm 2023. Trong năm 2024, Công ty điều chỉnh, bố trí phân công lao động hợp lý, giúp tăng thu nhập cho người lao động, điều chỉnh Hệ thống thang bản lương, phụ cấp lương tăng mức đóng bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và quyền lợi cho người lao động khi nghỉ hưu, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầy đủ cho người lao động, thay đổi cách thức tổ chức tạo điều kiện cho nhiều người lao động được thăm quan du lịch...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các dự án đã hoàn thành

- Đầu tư 03 xe nâng hàng container Reachstacker 45T: đã bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 4/2024.

- Đầu tư 01 xe ô tô MPV 7 chỗ: đã bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 7/2024.

- Phần mềm quản lý, khai thác container theo thời gian thực tại Bãi container Cảng Đình Vũ: đã hoàn thành trong tháng 7/2024.

- Một số dự án nhỏ, đột xuất: đầu tư hệ thống màn hình LED – Hội trường Công ty, máy tính công nghiệp cho 02 xe nâng hàng 45 tấn, máy điều hòa cho nhà ăn ca.

* Trong đó, dự án đầu tư lớn là Dự án đầu tư xe nâng hàng container Reachstacker 45T:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| - Nguồn vốn | : Vốn tự có |
| - Tổng mức đầu tư | : 45.860.000.000 VNĐ |
| - Tổng giá trị thực hiện | : 45.860.000.000 VNĐ |
| - Thực hiện năm 2024 | : 45.860.000.000 VNĐ |

3.2 Các dự án đang thực hiện dở dang

- Hệ thống chữa cháy tự động kho chứa hàng tại Cảng Đình Vũ: đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 06/2025.

- Phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương kết nối với phần mềm quản lý khai thác container tại Cảng: đã đưa vào sử dụng trong tháng 12/2024 và dự kiến nghiệm thu trong quý II/2025.

3.3 Các dự án đã phê duyệt nhưng chưa thực hiện trong năm 2024

Do yếu tố khách quan, một số dự án chưa thực hiện trong năm 2024 và sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai thực hiện trong năm 2025, bao gồm các dự án: Đầu tư kho bãi tại khu vực Lạch Huyện; Đầu tư 01 khung cầu tự động dự phòng cho các cần trục giàn RTG (Dùng cho các cần trục RTG01, 02, 03, 04); Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phòng máy chủ tại Cảng Đình Vũ, Dự án đầu tư hệ thống chữa cháy tự động kho chứa hàng tại Cảng Đình Vũ.

3.4 Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu

- Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2011

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2024:

Doanh thu: 634.498.324.552 đồng tăng 31,14% so với năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế: 168.984.467.060 đồng tăng 9,13% so với năm 2023.

- Tình hình tài chính:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2024: 506.304.451.493 đồng tăng 7,39% so với năm 2023;

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2024: 127.982.172.402 đồng tăng 239,23% so với năm 2023.

Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2024: 378.322.279.091 đồng giảm 9,48% so với năm 2023

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.635.776.002.494	1.639.149.377.286	0,21%
Doanh thu thuần	549.212.097.848	694.341.855.567	26,43%
Lợi nhuận từ HĐKD	313.986.098.308	377.168.425.953	20,12%
Lợi nhuận khác	84.470.760.578	25.865.924.258	-130,62%
Lợi nhuận trước thuế	398.456.858.886	403.034.350.211	1,15%
Lợi nhuận sau thuế	330.679.107.837	336.224.822.010	1,68%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4,80	8,60	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho	1.237.945.783.943	1.278.623.799.502	
Nợ ngắn hạn	259.763.124.591	150.211.677.373	



2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,16	0,09	
Hệ số nợ/Vốn chỉ sở hữu	0,19	0,10	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	71,53	33,23	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,34	0,42	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,60	0,48	
Hệ số LNST/Vốn CSH	0,24	0,23	
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,20	0,21	
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	0,57	0,54	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: 40.000.000 cổ phần (cổ phần phổ thông), cụ thể:

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng: 20.400.000 cổ phần tương ứng 51%;

Công ty Cổ phần vật tư nông sản: 7.480.000 cổ phần tương ứng 18,7%;

America LLC: 3.211.610 cổ phần, tương ứng 8,029%;

Các cổ đông khác: 8.908.390 cổ phần tương ứng 22,27%.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông lớn	31.091.610	77,73	3	3	
Trong nước	27.880.000	69,70	2	2	
Nước ngoài	3.211.610	8,03	1	1	
Cổ đông khác	8.908.390	22,27	1.392	38	1.354
- Trong nước	6.426.578	16,07	1.277	12	1.265
- Nước ngoài	2.481.812	6,20	115	26	89
Tổng cộng	40.000.000	100	1.395	41	1.354

Trong đó:					
- Trong nước	34.306.578	85,77	1.279	14	1.265
- Nước ngoài	5.693.422	14,23	116	27	89

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
2003	55.877.500.000	
2004	101.064.600.000	
2005	103.554.650.000	
2006	155.599.533.625	
2007	193.515.483.625	
2008	200.000.000.000	
2009 đến 2012	200.000.000.000	
2013	400.000.000.000	Cổ phiếu thưởng
2014 đến 2024	400.000.000.000	

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Tăng cường bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện, phân công sản xuất hợp lý để giảm lượng tiêu thụ dầu diesel;

Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn LED để giảm lượng tiêu thụ điện năng;

Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động của Công ty là khai thác Cảng biển nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ và vận chuyển container trong đó bao gồm 02 loại năng lượng chính là năng lượng điện và dầu DO.

* Điện năng tiêu thụ:

Năm 2024 Cảng Đình Vũ tiêu thụ 4.544.000 KWh, điện năng tiêu thụ chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ container ngoài cầu tàu và trong bãi, phần còn lại cấp điện cho hệ thống điện văn phòng, chiếu sáng bãi... hoạt động.

Cảng Đình Vũ nằm trong danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vì vậy Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, ban hành các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cụ thể:

- Các thiết bị của Công ty được đầu tư, nâng cấp đều sử dụng công nghệ mới (hãm tái sinh, lắp đặt biến tần...) tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa giảm tiêu hao, tiết kiệm 8% ÷ 10% điện năng tiêu thụ trong quá trình hoạt động.

- Lắp đặt timer, cảm biến cho hệ thống chiếu sáng bãi, điều chỉnh thời gian bật tắt các giàn đèn hợp lý theo mùa đảm bảo sử dụng ánh sáng hợp lý.

- Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng Công ty đã tiến hành thay thế và lắp mới toàn bộ các bóng đèn phục vụ chiếu sáng văn phòng, nhà xưởng bằng hệ thống đèn sử dụng công nghệ Led giúp tiết kiệm điện năng đến 50%. Năm 2025 Công ty có kế hoạch thay thế các bóng đèn chiếu sáng bãi sử dụng công nghệ cũ (bóng halogen) bằng bóng đèn sử dụng công nghệ LED giúp tiết kiệm 50% điện năng sử dụng, giảm tổn hao điện năng do sử dụng các loại bóng chiếu sáng công nghệ cũ.

- Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.3 Tiêu thụ nhiên liệu dầu DO:

Dầu DO tiêu thụ chủ yếu cho các thiết bị nâng hạ và vận chuyển trong bãi hoạt động, năm 2024 tiêu thụ 610.800 lit dầu DO.

Để giảm thiểu tiêu thụ dầu DO giúp thân thiện với môi trường Công ty cũng đã áp dụng một số biện pháp cụ thể:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện.
- Đầu tư các thiết bị nâng hạ sử dụng năng lượng điện thay thế các thiết bị sử dụng dầu DO giảm khí thải, thân thiện với môi trường.
- Ban hành các định mức sử dụng nhiên liệu áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty.

6.4 Tiêu thụ nước:

Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch của thành phố - Công ty CP cấp nước Hải Phòng.

Lượng nước tiêu thụ năm 2024: 9.500 m³.

Lượng nước tái chế và sử dụng: Do lượng nước Công ty tiêu thụ chủ yếu phục vụ sinh hoạt không tái chế, Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

6.5 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Cảng Đình Vũ tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu bảo vệ môi trường với chất thải rắn, lỏng.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng người lao động tính đến 31/12/2024: 414 người. Mức lương bình quân: trên 25.000.000 đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, bao gồm:

- Tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế cho người lao động
- Trích quỹ phúc lợi hỗ trợ cho CBCNV Công ty xét nghiệm máu toàn diện, tầm soát ung thư.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trong đó nhóm lao động nặng nhọc nguy hiểm 2 lần/năm và mở rộng đối tượng đối với nhóm lao động kỹ thuật khác. Tổ chức mời các chuyên gia y tế hàng đầu Việt Nam tư vấn về sức khỏe, phòng tránh các bệnh từ thói quen sinh hoạt ăn uống, giúp cho CBCNV Công ty có kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình.

- Trích quỹ phúc lợi tổ chức các hoạt động, phong trào văn nghệ, TDTT, hỗ trợ các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức nhiều chuyến tham quan du lịch cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo

Năm 2024 Công ty đã tổ chức đào tạo nội bộ và cử CBCNV tham gia 16 khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức cho 1020 lượt CBCNV tham dự. Tổng số giờ đào tạo là 820 giờ.

Công ty tổ chức đào tạo nâng bậc nghề cho CBCNV để đảm bảo nâng cao tay nghề hỗ trợ người lao động phát triển nghề nghiệp và thu nhập. Năm 2024 Công ty tổ chức đào tạo nâng bậc cho 20 công nhân viên; đào tạo nghề bổ sung cho 93 công nhân viên; bổ sung kiến thức pháp luật, kiến thức quản trị, điều hành sản xuất, an toàn lao động, công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ công việc cho 978 CBCNV.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

TT	Nội dung	Mức tiền (đồng)
1	Ủng hộ người nghèo phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng - Chương trình Tết 2024	10.000.000
2	Ủng hộ xóa đói giảm nghèo quận Hải An, TP. Hải Phòng	10.000.000
3	Tài trợ Lễ hội hoa phượng đỏ năm 2024 TP. Hải Phòng	50.000.000
4	Giải thưởng giải chạy 30/4 của Công ty	69.500.000
5	Ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em TP. Hải Phòng	10.000.000
6	Tặng quà 1/6/2024 cho con CBCNV Công ty	149.700.000
7	Tặng quà học sinh giỏi cho con CBCNV Công ty	216.600.000
8	Tặng quà 27/7 CBCNV Công ty là con của Thương binh, Liệt sĩ	9.500.000
9	Tặng quà Ông Xứng CNBX nghỉ hưu	3.000.000
10	Ủng hộ tỉnh Cao Bằng khắc phục hậu quả cơn bão số 3	100.000.000
11	Tổ chức hoạt động và tặng quà nữ CBCNV Công ty ngày 20/10/2024	80.000.000
12	Bồi dưỡng CBCNV Công ty hiến máu tình nguyện	21.000.000
13	Tặng quà và kỷ niệm chương CBCNV Công ty có 20 năm cống hiến	10.000.000



14	Giải thưởng giải chạy 19/12 của Công ty	66.500.000
15	Tổ chức và giải thưởng cuộc thi ảnh chào mừng 19/12	19.300.000

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2024 tình hình kinh tế chính trị Thế giới, khu vực Châu Á diễn biến phức tạp; kinh tế Thế giới phục hồi chưa vững chắc, còn nhiều rủi ro; bất ổn làm ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông hàng hóa trên toàn cầu; giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, dịch vụ vận tải biến động mạnh...

- Sự thay đổi một số quy định trong quản lý khai thác cảng của cơ quan quản lý Nhà nước, tuyến luồng Bạch Đằng vào Cảng (-7m) hạn chế về độ sâu đã gây khó khăn cho việc tiếp nhận, khai thác tàu có trọng tải lớn, gia tăng áp lực cho Ban Điều hành Công ty do phải giải quyết nhiều công việc phát sinh.

- Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, dịch vụ kho bãi, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của tình hình thị trường, cạnh tranh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của cơn bão Yagi, khó khăn vướng mắc trong SXKD. Năm 2024 Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành được hai (02) chỉ tiêu quan trọng; doanh thu và lợi nhuận, giữ vững sự ổn định về việc làm, thu nhập của người lao động, điều này thể hiện sự quyết tâm cao của Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty.

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2024 của Công ty như sau:

Các chỉ tiêu	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	% so KH năm 2024	% so thực hiện 2023
- Sản lượng container (teu)	599.900	573.124	95,54	116,5
<i>Tương đương (tấn)</i>	8.998.500	8.596.860	95,54	116,5
- Doanh thu (tỷ đồng)	700	848,45	121,21	101,04
-LN trước thuế (tỷ đồng)	345	403,03	116,82	101,15

* Chỉ tiêu sản lượng thực hiện đạt 95,54% kế hoạch do một nguyên nhân chính như sau:

+ Do hạn chế về độ sâu luồng hàng hải vào đến Cảng nên tháng 8/2024 Hãng tàu SITC đã chuyển 01 tuyến dịch vụ ra khai thác tại Cảng Nam Đình Vũ.

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành, CBNV Công ty, kết quả năm 2024 Công ty đã đạt và vượt ở mức cao chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, trong đó chỉ tiêu SXKD quan trọng nhất do Đại hội cổ đông giao cho là lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 116,8% so kế hoạch và vượt 1,15% so cùng kỳ 2023.

+ *Những tiến bộ Công ty đạt được:*

- Trong năm 2024 Công ty vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, tổng thu nhập của người lao động tăng hơn so với năm 2023.

- Hoạt động khai thác hàng hóa tại Bãi container Cảng Đình Vũ - Khu công nghiệp Minh Phương đóng góp vào tổng doanh thu của Công ty năm 2024 là 48,4 tỷ đồng tăng 6,9% so với thực hiện năm 2023.

100%
ĐÓN
CỔ F
IỀU
ĐỊNH
19/12

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Trong năm tài chính, tình hình tài sản của Công ty tăng 0,21% so với năm 2023, trong đó tình hình tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 44tỷ.

Tình hình tài sản dài hạn của Công ty giảm do Công ty thanh lý 01 Cần cầu chân đế số 3 Liebherr, Cần trục bánh lốp Mobile Crane mã hiệu

Gottwald và tang cáp điện và 03 xe nâng hàng 45T. Trong năm Công ty tăng mới 03 xe nâng hàng 45T Reachstacker.

a) Tình hình nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024 cơ cấu tổ chức Công ty không có thay đổi;

Công ty thuê Công ty kiểm toán chuyên nghiệp thực hiện việc kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty. Kết quả không có kiến nghị trọng yếu cần khắc phục ngay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực;

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận;

Mở rộng thị trường, có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng;

Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại;

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng;

Tích cực tìm kiếm các cơ hội mở rộng lĩnh vực kinh doanh. Hợp tác với các hãng tàu và đối tác phối hợp nghiên cứu các dự án phát triển dịch vụ khác;

Chuẩn bị nguồn lực cho việc nghiên cứu mở rộng phương án kinh doanh/ hợp tác với các đối tác/ hãng tàu đầu tư tại khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện.

5. Dự kiến kế hoạch năm 2025

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu (dự kiến) như sau:

Sản lượng : 500.000 teus.

Doanh thu : 690 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 302 tỷ đồng.

Cổ tức dự kiến : 30%.

17.
TÀI
ƯU
C
IV
PHI

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

a) Về kinh doanh:

Tổ chức hợp tác với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.

Tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu đang sử dụng dịch vụ Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến dịch vụ.

Tăng cường công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, kết hợp không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

b) Về quản lý:

Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong Công ty, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao để có thể đáp ứng được yêu cầu hoạt động và nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

c) Về đầu tư:

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các hạng mục theo kế hoạch, kịp thời đưa vào khai thác nâng cao năng lực xếp dỡ.

Chú trọng đầu tư, hoàn thiện dây chuyền xếp dỡ container, nâng cao năng lực xếp dỡ.

d) Về dịch vụ hậu cần cảng và logistics:

Tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án đầu tư kho bãi, depot khu vực ngoài cảng khi có cơ hội.

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp:

Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp: các nguồn nước xả thải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra sông và đã được UBND TP. Hải Phòng cấp phép tại văn bản số 192/GP-UBND ngày 18/01/2021 và Công ty sẽ tiến hành định kỳ quan trắc nguồn nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Trong nhiều năm qua Công ty luôn đặt mục tiêu hàng đầu là chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty. Trên thực tế, năm 2022 mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế - chính trị và dịch bệnh trên toàn thế giới diễn biến phức tạp, Công ty vẫn đảm bảo được việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách với nhà nước và thành phố, qua đó tạo ra sự ổn định đời sống của gia đình CBCNV của Công ty nói riêng và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung.

NG
PH

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

Huấn luyện diễn tập phòng cháy chữa cháy. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt;

Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu;

Xây dựng hệ thống chống sét, chống rò điện;

Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc, nâng cấp làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;

Thực hiện quan trắc môi trường;

Trồng và chăm sóc hệ thống cây xanh toàn Công ty;

Phòng chống dịch bệnh (phun thuốc diệt muỗi, muỗi, côn trùng);

Thông hút bể phốt thường xuyên;

Thuê đơn vị chuyên môn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn và rác thải;

Thực hiện vệ sinh hàng ngày khu vực bãi Cảng và khu làm việc văn phòng;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động mẫn cán của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2024 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận;

Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất;

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ;

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh



doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 là 60% đảm bảo lợi ích cho cổ đông và tuân thủ các quy định về pháp luật chứng khoán;

Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách, do đó thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Phối hợp cùng với Ban điều hành tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngoài việc giữ được các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống, Công ty còn tiếp thị thêm được một số khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Cảng Đình Vũ;

Chỉ đạo Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quy chế, quy định của Công ty để bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và tình hình sản xuất thực tế của Công ty;

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động, an ninh trật tự bến Cảng;

Thường xuyên đôn đốc ban điều hành quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, giữ gìn vệ sinh bến cảng xanh – sạch – đẹp. Tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật định, duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2018;

Chỉ đạo và yêu cầu Tổng giám đốc Công ty thực hiện các quy định theo pháp luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết;

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt nhưng Ban Tổng giám đốc đã có những chiến lược và chính sách kịp thời để giữ được khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất;

Năm 2024 các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế, đặc biệt xung đột Nga – Ucraina ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và chuỗi cung ứng toàn cầu... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận;



20/20
CỔ ĐÔNG
ĐI
AN

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty;

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2024, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương và các quy chế nội bộ khác của Công ty;

Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt;

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; do đó, công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng;

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh;

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2024 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư;

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ;

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại;

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành;

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo đúng quy định. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2024;

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính;

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh

thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty;

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, chi tiết như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (bao gồm cả phụ trách quản trị Công ty không chuyên trách) năm 2024 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua: 2.000.000.000 đồng;

- Tổng mức thù lao thực hiện năm 2024: 2.000.000.000 đồng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;

Giữ vững và phấn đấu tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu kinh tế (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức);

Bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng;

Xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh; có chính sách mềm dẻo trong quan hệ với khách hàng trên cơ sở hợp tác cùng có lợi và phát triển nhằm duy trì những khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới;

Công ty định hướng tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư theo chiều sâu để trở thành một cảng hiện đại, có trình độ quản lý tiên tiến, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển một cách bền vững, từng bước thay đổi công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến thân thiện với môi trường vào quản lý, sản xuất kinh doanh;

Đầu tư mở rộng sản xuất ra khu vực Lạch Huyện, Cát Hải;

Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống CNTT theo hướng hiện đại hóa, đưa CNTT trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty;

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;

Chú trọng công tác nhân lực, tổ chức đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời có kế hoạch để trẻ hóa nguồn nhân lực.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Đến 31/12/2024: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên, cơ cấu và danh sách như sau:

- Cơ cấu:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 02;

148
TỶ
ÂN
VÀ
CÁN
VỤ
TÀI P

+ Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 03;
+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 03 thành viên (Ông Nguyễn Tiến Dũng, Ông Chu Minh Hoàng và Ông Nguyễn Việt Hải).

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương;

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 20% vốn điều lệ tương đương 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Văn Tĩnh

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 18,5% vốn điều lệ tương đương 7.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 7.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 18,509% vốn điều lệ.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 12,5% vốn điều lệ tương đương 5.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Nguyễn Việt Hải

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ tham dự
1	Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó CT HĐQT	7/7	100%
3	Cao Văn Tĩnh	TV HĐQT	7/7	100%
4	Chu Minh Hoàng	TV HĐQT	7/7	100%
5	Nguyễn Việt Hải	TV HĐQT	7/7	100%

Các nghị quyết của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT		30/01/2024	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV/2023; Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2024.
2	03/NQ-HĐQT		08/3/2024	Về việc gia hạn và thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
3	04/NQ-HĐQT		09/4/2024	Về việc chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty
4	05/NQ-HĐQT		16/4/2024	Về việc bổ nhiệm lại Phó TGD Công ty
5	06/NQ-HĐQT		16/4/2024	Về việc các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua
6	07/NQ-HĐQT		16/4/2024	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2024; Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2024.
7	09/NQ-HĐQT		25/4/2024	Về việc giảm vốn điều lệ tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ
8	17/NQ-HĐQT		17/6/2024	Về việc chia cổ tức đợt 2 năm 2023
9	21/NQ-HĐQT		19/7/2024	Về việc kết quả SXKD Quý II và 6 tháng đầu năm, kế hoạch Quý III/2024
10	31/NQ-HĐQT		25/10/2024	Về việc kết quả SXKD Quý III/2024 và kế hoạch Quý IV/2024
11	33/NQ-HĐQT		25/10/2024	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2024
12	34/NQ-HĐQT		16/12/2024	Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng năm 2025 giữa Công ty với Người có liên quan là Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ

của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty giao thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng và nhân sự.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

2.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01;

- Thành viên Ban kiểm soát: 02.

2.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Thanh Hải

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm, số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

2.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2024, ban kiểm soát đã tiến hành họp 4 lần (01 lần/quý), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời;

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đồng):

Họ và tên	Năm 2023	Năm 2024
Vũ Tuấn Dương – Chủ tịch HĐQT	1.695.149.246	1.994.175.682
Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT	320.000.000	320.000.000
Chu Minh Hoàng - Ủy viên HĐQT	300.000.000	300.000.000
Cao Văn Tĩnh - Ủy viên HĐQT, TGD	2.000.282.623	2.295.762.809
Nguyễn Việt Hải - Ủy viên HĐQT	300.000.000	300.000.000
Trần Thị Thanh Hải - Trưởng BKS	300.000.000	300.000.000
Cao Xuân Hợp - Thành viên BKS	160.000.000	160.000.000
Vũ Hoàng Lâm - Thành viên BKS	160.000.000	160.000.000

b) Tiền lương của người quản lý, người điều hành (đồng):

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
Tiền lương người quản lý, người điều hành Công ty	2.005.101.337	2.169.377.061

d) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

f) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật trong công tác quản trị Công ty;

Các thông tin liên quan đến lợi ích của cổ đông, các báo cáo định kỳ đều được công bố thông tin kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định về pháp luật chứng khoán.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và ý kiến của kiểm toán được đính kèm báo cáo thường niên này. 

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, TCKT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.



Cao Văn Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Cao Văn Tĩnh	Thành viên
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Lâm	Thành viên
Ông Cao Xuân Hợp	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Cao Văn Tĩnh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Số: 030325.012/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2025-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.291.745.252.469	1.246.938.786.896
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.281.383.279	14.626.432.968
111	1. Tiền		27.281.383.279	14.626.432.968
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.147.000.000.000	1.145.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.147.000.000.000	1.145.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.356.067.384	65.975.152.514
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	49.999.954.245	41.122.479.980
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.037.427.243	667.479.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.318.685.896	24.185.193.534
140	IV. Hàng tồn kho	8	13.121.452.967	8.993.002.953
141	1. Hàng tồn kho		13.121.452.967	8.993.002.953
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.986.348.839	12.344.198.461
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.986.348.839	1.162.241.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	8.991.768.075
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	2.190.188.400
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		347.404.124.817	388.837.215.598
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		92.986.000	122.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	92.986.000	122.986.000
220	II. Tài sản cố định		218.212.559.233	238.920.770.847
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	217.477.397.938	238.860.932.137
222	- Nguyên giá		1.354.486.939.050	1.417.042.994.954
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.137.009.541.112)	(1.178.182.062.817)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	735.161.295	59.838.710
228	- Nguyên giá		7.095.104.700	6.235.104.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.359.943.405)	(6.175.265.990)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.141.754.630	516.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.141.754.630	516.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	103.027.411.229	123.627.173.950
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		103.027.411.229	123.627.173.950
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.929.413.725	25.650.284.801
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	24.929.413.725	25.650.284.801
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.639.149.377.286	1.635.776.002.494

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		150.211.677.373	259.763.124.591
310	I. Nợ ngắn hạn		150.211.677.373	259.763.124.591
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.423.577.198	36.180.089.439
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		765.166.793	203.431.343
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	18.116.711.423	12.035.396.843
314	4. Phải trả người lao động		54.018.345.595	42.735.838.637
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	232.970.956	393.937.607
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.081.385.298	109.348.172.153
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	48.201.000.000	48.176.200.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.372.520.110	10.690.058.569
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.488.937.699.913	1.376.012.877.903
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.488.937.699.913	1.376.012.877.903
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400.000.000.000	400.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		103.027.411.229	123.627.173.950
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		526.245.533.286	505.645.770.565
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		459.664.755.398	346.739.933.388
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		123.439.933.388	116.060.825.551
421b	LNST chưa phân phối năm nay		336.224.822.010	230.679.107.837
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.639.149.377.286	1.635.776.002.494

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	694.341.855.567	549.212.097.848
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		694.341.855.567	549.212.097.848
11	4. Giá vốn hàng bán	21	367.428.859.624	321.626.728.199
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		326.912.995.943	227.585.369.649
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	127.974.696.654	156.456.764.258
22	7. Chi phí tài chính	23	31.747.734	243.515.043
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	77.687.518.910	69.812.520.556
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		377.168.425.953	313.986.098.308
31	11. Thu nhập khác	25	26.141.833.804	134.071.264.381
32	12. Chi phí khác	26	275.909.546	49.600.503.803
40	13. Lợi nhuận khác		25.865.924.258	84.470.760.578
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		403.034.350.211	398.456.858.886
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	66.809.528.201	67.777.751.049
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		336.224.822.010	330.679.107.837
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	8.406	8.267

Lê Thị Hải Thành
Người lậpĐoàn Minh Trung
Kế toán trưởngCao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		727.105.767.457	597.183.573.107
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(236.144.429.412)	(189.851.029.851)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(159.092.693.884)	(129.264.183.743)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(62.478.615.888)	(74.537.334.060)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.740.878.005	131.439.116.485
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(83.557.773.071)	(89.337.979.455)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		191.573.133.207	245.632.162.483
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(38.614.222.429)	(140.588.032.168)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		24.770.787.889	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.156.000.000.000)	(2.251.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.154.000.000.000	2.159.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.798.900.000	19.124.640.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		91.967.620.953	144.508.203.946
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		100.923.086.413	(68.955.188.222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(279.954.070.000)	(200.021.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(279.954.070.000)	(200.021.730.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.542.149.620	(23.344.755.739)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.626.432.968	37.477.068.220
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		112.800.691	494.120.487
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	27.281.383.279	14.626.432.968

Lê Thị Hải Thành
Người lậpĐoàn Minh Trung
Kế toán trưởngCao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 ngày 01 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 414 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 421 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ hàng hải và cảng biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm kể cả khi dịch vụ chưa được xác định là đã cung cấp.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	153.883.880	374.490.356
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.127.499.399	14.251.942.612
	27.281.383.279	14.626.432.968

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.147.000.000.000	-	1.145.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1.147.000.000.000	-	1.145.000.000.000	-
	1.147.000.000.000	-	1.145.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 09 tháng có giá trị 1.147.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	103.027.411.229	-	123.627.173.950	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1)	103.027.411.229	-	123.627.173.950	-
	103.027.411.229	-	123.627.173.950	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải Đường Thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ với vốn điều lệ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.550.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04 tháng 09 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng quản trị.

Theo Nghị quyết số 01/2024/SITC/NQ-HĐTV ngày 17 tháng 04 năm 2024, Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ đã thực hiện giảm một phần vốn góp với số tiền 2.000.000 USD để hoàn trả cho các thành viên góp vốn theo tỉ lệ phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty này. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ với số tiền 4.900.000 USD (tương đương 103.027.411.229 đồng). Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ, bốc xếp và vận tải hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	517.917.878	-	2.485.089.396	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	109.059.480	-	32.151.600	-
Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	-	30.890.051	-
Dịch vụ hàng hải Phương Đông (ORIMAS) - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	198.779	-	2.422.047.745	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	62.404.041	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	346.255.578	-	-	-
Bên khác	49.482.036.367	-	38.637.390.584	-
SITC Container Lines Co., Ltd	38.657.905.546	-	32.427.170.314	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	-	1.759.323.781	-
Phải thu khách hàng khác	10.824.130.821	-	4.450.896.489	-
	49.999.954.245	-	41.122.479.980	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	106.020.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Hải Phòng	-	-	106.020.000	-
Bên khác	1.037.427.243	-	561.459.000	-
Cao Đức Ngọc	-	-	394.459.000	-
Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật tự động hóa Thành Đạt	163.020.000	-	-	-
Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Phú An	669.207.243	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	205.200.000	-	167.000.000	-
	1.037.427.243	-	667.479.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
a.1) Chi tiết theo nội dung					
Phải thu lợi nhuận được chia	34.463.651.480	-	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	15.341.549.315	-	21.783.093.151	-	-
Phải thu người lao động	1.388.459.975	-	109.601.881	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	120.556.609	-	120.556.609	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.055.414	-	654.500	-	-
Tạm ứng	3.413.103	-	37.423.393	-	-
Phải thu về cho mượn vật tư	-	-	2.133.864.000	-	-
	51.318.685.896	-	24.185.193.534	-	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng					
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	7.299.856.164	-	8.889.438.356	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng	1.988.602.740	-	9.630.652.055	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	34.463.651.480	-	-	-	-
Các đối tượng khác	7.566.575.512	-	5.665.103.123	-	-
	51.318.685.896	-	24.185.193.534	-	-
b) Dài hạn					
b.1) Chi tiết theo nội dung					
Phải thu người lao động về bồi thường tổn thất	92.986.000	-	122.986.000	-	-
	92.986.000	-	122.986.000	-	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng					
Phạm Ngọc Tiến	71.486.000	-	83.486.000	-	-
Hoàng Trường	21.500.000	-	39.500.000	-	-
	92.986.000	-	122.986.000	-	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	-	2.133.864.000	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	34.463.651.480	-	-	-	-
	34.463.651.480	-	2.133.864.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	735.134.801	-	940.744.386	-
Công cụ, dụng cụ	12.386.318.166	-	8.052.258.567	-
	13.121.452.967	-	8.993.002.953	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	647.554.630	-
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động kho chứa hàng số 1	137.592.593	-
- Dự án kho bãi tại khu vực Lạch Huyện - Cát Hải	327.222.222	-
- Tư vấn, thẩm tra cầu tàu số 1	182.739.815	-
Mua sắm tài sản cố định	494.200.000	516.000.000
- Phần mềm quản lý, khai thác container theo thời gian thực tại bãi container	-	516.000.000
- Phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương	494.200.000	-
	1.141.754.630	516.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	471.525.905.399	800.346.656.133	125.591.167.427	19.579.265.995	1.417.042.994.954
- Mua trong năm	-	-	35.699.459.797	635.138.500	36.334.598.297
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	830.592.593	-	-	-	830.592.593
- Thanh lý, phá dỡ	(110.192.028)	(74.063.426.385)	(25.505.163.653)	(42.464.728)	(99.721.246.794)
Số dư cuối năm	472.246.305.964	726.283.229.748	135.785.463.571	20.171.939.767	1.354.486.939.050
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	426.467.525.644	609.946.666.588	123.149.494.589	18.618.375.996	1.178.182.062.817
- Khấu hao trong năm	10.002.905.579	42.015.909.144	5.909.648.489	620.261.877	58.548.725.089
- Thanh lý, phá dỡ	(110.192.028)	(74.063.426.385)	(25.505.163.653)	(42.464.728)	(99.721.246.794)
Số dư cuối năm	436.360.239.195	577.899.149.347	103.553.979.425	19.196.173.145	1.137.009.541.112
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	45.058.379.755	190.399.989.545	2.441.672.838	960.889.999	238.860.932.137
Tại ngày cuối năm	35.886.066.769	148.384.080.401	32.231.484.146	975.766.622	217.477.397.938

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 956.115.570.715 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.235.104.700
- Mua trong năm	860.000.000
Số dư cuối năm	7.095.104.700
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.175.265.990
- Khấu hao trong năm	184.677.415
Số dư cuối năm	6.359.943.405
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	59.838.710
Tại ngày cuối năm	735.161.295
Trong đó:	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.235.104.700 đồng.	

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	1.077.868.467	874.746.161
Chi phí sửa chữa tài sản	268.168.802	116.247.825
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	640.311.570	171.248.000
	1.986.348.839	1.162.241.986
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp MP Đình Vũ (*)	24.890.803.024	25.591.055.797
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.610.701	59.229.004
	24.929.413.725	25.650.284.801

(*) Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.
Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 19a.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	2.124.700.756	2.124.700.756	10.297.286.533	10.297.286.533
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.895.368.676	1.895.368.676	10.017.296.533	10.017.296.533
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	101.196.000	101.196.000	279.990.000	279.990.000
Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	91.550.000	91.550.000	-	-
Dịch vụ hàng hải Phương Đông (ORIMAS) - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	36.586.080	36.586.080	-	-
Bên khác	12.298.876.442	12.298.876.442	25.882.802.906	25.882.802.906
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam	-	-	12.951.900.000	12.951.900.000
Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	3.519.239.600	3.519.239.600	2.839.447.000	2.839.447.000
Công ty Cổ phần Vạn Xuân	963.493.920	963.493.920	1.187.886.060	1.187.886.060
Công ty Cổ phần Kinh doanh đầu tư và phát triển Hà Linh	1.832.239.440	1.832.239.440	2.260.043.640	2.260.043.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ tàu biển Đình Vũ	1.202.688.000	1.202.688.000	1.257.638.400	1.257.638.400
Phải trả nhà cung cấp khác	4.781.215.482	4.781.215.482	5.385.887.806	5.385.887.806
	14.423.577.198	14.423.577.198	36.180.089.439	36.180.089.439

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (*)	-	-	5.444.693.137	4.762.950.182	-	681.742.955
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.317.503.356	66.809.528.201	62.478.615.888	-	15.648.415.669
Thuế Thu nhập cá nhân	-	717.893.487	14.154.930.759	13.086.272.447	-	1.786.551.799
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	2.190.188.400	-	7.300.627.000	5.110.437.600	-	1.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	2.190.188.400	12.035.396.843	93.712.779.097	85.441.276.117	-	18.116.711.423

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ trong năm là 27.387.180.476 đồng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cước dịch vụ viễn thông	27.037.262	24.126.344
- Chi phí tiền điện	159.554.284	211.644.596
- Chi phí quan trắc môi trường	-	115.000.000
- Chi phí phải trả khác	46.379.410	43.166.667
	232.970.956	393.937.607

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	262.914.518	246.554.834
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.905.158	12.905.158
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.810.869.350	101.764.939.350
- Phải trả tiền bảo hành cần trục Tukan	-	2.852.959.583
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.994.696.272	4.470.813.228
	7.081.385.298	109.348.172.153

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định	21.702.000.000	22.737.200.000
+ <i>Dự phòng chi phí sửa chữa cần trục STS01</i>	<i>4.064.500.000</i>	<i>4.192.000.000</i>
+ <i>Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định khác</i>	<i>17.637.500.000</i>	<i>18.545.200.000</i>
- Dự phòng chi phí nạo vét trước bến	8.399.000.000	9.421.000.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	18.100.000.000	16.018.000.000
	48.201.000.000	48.176.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CANG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	137.307.173.950	491.965.770.565	353.560.825.551	1.382.833.770.066
Lãi trong năm trước	-	-	-	330.679.107.837	330.679.107.837
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(237.500.000.000)	(237.500.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(13.680.000.000)	13.680.000.000	-	-
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	123.627.173.950	505.645.770.565	346.739.933.388	1.376.012.877.903
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	123.627.173.950	505.645.770.565	346.739.933.388	1.376.012.877.903
Lãi trong năm nay	-	-	-	336.224.822.010	336.224.822.010
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(223.300.000.000)	(223.300.000.000)
Điều chỉnh khác (**)	-	(20.599.762.721)	20.599.762.721	-	-
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	103.027.411.229	526.245.533.286	459.664.755.398	1.488.937.699.913

(*) Theo Nghị quyết số 10/NQ-DHĐCĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Tỷ lệ	Số tiền
%	VND
100	446.739.933.388
9,69	43.300.000.000
62,68	280.000.000.000,00
22,38	100.000.000.000
40,29	180.000.000.000
27,63	123.439.933.388

(**) Trong năm, Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ đã thực hiện giảm một phần vốn góp với số tiền 2.000.000 USD để hoàn trả cho các thành viên theo tỉ lệ phần vốn góp trong vốn điều lệ của Công ty (thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 4 - Các khoản đầu tư tài chính). Do nguồn hình thành khoản đầu tư được chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Vốn khác của chủ sở hữu, khi được hoàn trả lại vốn, Công ty kết chuyển giá trị tương ứng với phần vốn được hoàn trả từ Vốn khác của chủ sở hữu sang Quỹ đầu tư phát triển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 30% vốn điều lệ (01 cổ phần nhận được 3.000 đồng), thời hạn đăng ký cuối cùng vào ngày 10 tháng 02 năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51,00	204.000.000.000	51,00	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	18,70	74.800.000.000	18,70	74.800.000.000
America LLC	8,03	32.116.100.000	7,60	30.402.100.000
Các cổ đông khác	22,27	89.083.900.000	22,70	90.797.900.000
	100	400.000.000.000	100	400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	101.764.939.350	1.786.669.350
- Cổ tức phải trả trong năm	180.000.000.000	300.000.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	180.000.000.000	200.000.000.000
+ Cổ tức tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	100.000.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(279.954.070.000)	(200.021.730.000)
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	(279.954.070.000)	(200.021.730.000)
- Cổ tức còn phải trả cuối năm	1.810.869.350	101.764.939.350

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	526.245.533.286	505.645.770.565
	526.245.533.286	505.645.770.565

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Theo hợp đồng số 03/HĐTD ngày 09 tháng 01 năm 2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm (từ ngày 19 tháng 08 năm 2002 đến ngày 19 tháng 08 năm 2042). Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm (từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020). Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTD - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, Công ty được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền này như thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 12b.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	94.792,35	94.792,35
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản nợ được xử lý theo quy chế tài chính	1.786.179.934	1.786.179.934

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	694.341.855.567	549.212.097.848
	694.341.855.567	549.212.097.848
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	23.083.960.650	14.571.388.613

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	367.428.859.624	321.626.728.199
	367.428.859.624	321.626.728.199
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)		
Tổng giá trị mua vào:	50.665.929.226	30.214.427.022
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	50.665.929.226	30.214.427.022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	49.599.277.117	85.111.335.819
Lãi thu được từ công ty liên kết trả lại do giải thể	-	5.444.640.000
Lãi thu được từ công ty liên kết do hoàn trả vốn góp	4.199.137.279	-
Lợi nhuận được chia	70.390.451.480	60.935.947.580
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.497.810.741	4.532.614.471
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	287.912.664	431.919.111
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.373	307.277
	127.974.696.654	156.456.764.258
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	74.589.588.759	60.935.947.580
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	31.747.734	243.515.043
	31.747.734	243.515.043

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.483.733	53.324.140
Chi phí nhân công	52.716.380.793	43.180.416.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.524.114.141	2.279.618.416
Chi phí khác bằng tiền	22.427.540.243	24.299.161.170
	77.687.518.910	69.812.520.556

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	24.770.787.889	-
Tiền đền bù sự cố tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS 01	-	128.917.500.000
Khoản phạt chậm giao hàng	-	5.130.208.295
Thu nhập khác	1.371.045.915	23.556.086
	26.141.833.804	134.071.264.381

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí phá dỡ tài sản cố định	41.977.778	-
Chi phí sửa chữa và chi phí liên quan sự cố tàu Tiger Maanshan va chạm vào cần trục STS 01	-	49.591.562.852
Chi phí sửa chữa tài sản do ảnh hưởng của bão Yagi	233.931.768	-
Chi phí khác	-	8.940.951
	275.909.546	49.600.503.803

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	403.034.350.211	398.456.858.886
Các khoản điều chỉnh tăng	1.691.654.939	1.718.747.142
- Chi phí không hợp lệ	1.691.654.939	1.656.540.951
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	62.206.191
Các khoản điều chỉnh giảm	(70.678.364.144)	(61.430.072.882)
- Lợi nhuận được chia	(70.390.451.480)	(60.935.947.580)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(287.912.664)	(494.125.302)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	334.047.641.006	338.745.533.146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	66.809.528.201	67.749.106.629
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	28.644.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	11.317.503.356	18.077.086.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(62.478.615.888)	(74.537.334.060)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	15.648.415.669	11.317.503.356

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	336.224.822.010	330.679.107.837
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	336.224.822.010	330.679.107.837
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.406	8.267

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.950.065.531	19.352.714.511
Chi phí nhân công	191.278.668.481	163.006.634.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.486.299.295	53.170.644.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.973.253.470	58.247.970.974
Chi phí khác bằng tiền	71.428.091.757	97.661.283.864
	445.116.378.534	391.439.248.755

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	27.127.499.399	-	-	27.127.499.399
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.318.640.141	92.986.000	-	101.411.626.141
Các khoản cho vay	1.147.000.000.000	-	-	1.147.000.000.000
	1.275.446.139.540	92.986.000	-	1.275.539.125.540
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	14.251.942.612	-	-	14.251.942.612
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.307.673.514	122.986.000	-	65.430.659.514
Các khoản cho vay	1.145.000.000.000	-	-	1.145.000.000.000
	1.224.559.616.126	122.986.000	-	1.224.682.602.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	21.504.962.496	-	-	21.504.962.496
Chi phí phải trả	232.970.956	-	-	232.970.956
	<u>21.737.933.452</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.737.933.452</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	145.528.261.592	-	-	145.528.261.592
Chi phí phải trả	393.937.607	-	-	393.937.607
	<u>145.922.199.199</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>145.922.199.199</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (đã giải thể năm 2023)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần HPH Logistics	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	Công ty liên kết của Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sân golf Chí Linh	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty TNHH Một thành viên Supe Lân Apromaco Lào Cai	Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Cảng Hải Phòng	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Việt Hải và ông Nguyễn Tiến Dũng
Công ty Cổ phần Vận tải container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	Cùng chung Trưởng Ban kiểm soát là bà Trần Thị Thanh Hải
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	23.083.960.650	14.571.388.613
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	4.231.080.469	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	1.333.495.088	416.829.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	1.719.875.000	227.155.000
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	14.472.212.816	12.428.523.414
Công ty Cổ phần VIMC Logistics	680.340.000	998.766.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	118.490.058	291.712.563
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ Cao	95.320.000	71.480.000
Công ty TNHH Khai thác container Việt Nam	1.190.000	3.780.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Đông	1.700.000	-
Công ty Cổ phần HPH Logistics	7.395.000	3.790.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	1.090.000	12.050.000
Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	12.640.000	23.625.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	-	363.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại	1.110.000	3.680.000
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	62.295.202	71.009.000
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	23.600.000	18.625.000
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	1.520.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	320.607.017	-
Mua dịch vụ	50.665.929.226	30.214.427.022
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	47.199.626.893	26.952.012.622
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.567.700.000	1.571.250.000
Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	278.050.000	69.300.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	461.381.000	431.015.400
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	281.804.000	90.708.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	447.534.000	1.100.141.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình hàng hải	429.833.333	-
Lợi nhuận được nhận	70.390.451.480	60.935.947.580
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	70.390.451.480	60.935.947.580
Lãi thu được từ công ty liên kết trả lại do giải thể	-	5.444.640.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	5.444.640.000
Lãi thu được từ công ty liên kết do hoàn trả vốn góp	4.199.137.279	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	4.199.137.279	-
Nhận lại vật tư cho mượn	1.975.800.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.975.800.000	-
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:	7.379.315.552	6.620.533.206
Ông Vũ Tuấn Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.994.175.682	1.695.149.246
Ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	320.000.000	320.000.000
Ông Chu Minh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị	300.000.000	300.000.000
Ông Cao Văn Tĩnh - Thành viên Hội đồng quản trị,	2.295.762.809	2.000.282.623
Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Việt Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	300.000.000	300.000.000
Người quản lý và điều hành khác	2.169.377.061	2.005.101.337
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	620.000.000	620.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

				
Lê Thị Hải Thành	Đoàn Minh Trung	Cao Văn Tĩnh		
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc		

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2025

